

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 07/2023/HC-ST

Ngày: 16- 02-2023

“V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Long và ông Bùi Thế Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Năng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/TLST-HC ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXXST-HC ngày 05/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HC ngày 19/01/2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1980 và bà H’U, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1975 (theo Giấy ủy quyền ngày 06/10/2022). Địa chỉ: 181/1/20 Quang T, phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: 01 Lý Nam Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại Th – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo Giấy ủy quyền số 109/GUQ-UBND, ngày 18/10/2022). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Vũ Thị Thanh V – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2022 và quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 08/6/2011 ông Lê Văn Tr và bà H'U có nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị H diện tích 370m², thửa đất số 227, tờ bản đồ số 6, Hợp đồng được công chứng theo quy định do không hiểu biết, nên ông Tr không yêu cầu bà H'U ký vào hợp đồng chuyển nhượng. Tuy nhiên, tiền nhận chuyển nhượng là tiền chung của ông Tr và bà H'U, đến khi làm thủ tục kê khai xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên chuyển nhượng đứng ra làm ông Tr chỉ ký tên và đưa các giấy tờ cần thiết cho bên chuyển nhượng thực hiện, đến năm 2011 Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 642642 cho ông Lê Văn Tr đối với thửa đất nói trên và ông Lê Văn Tr, bà H'U không có ý kiến gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Tuy nhiên, khi đi vay vốn tại Ngân hàng phải có chữ ký của ông Tr và bà H'U thì mới vay vốn được.

Đến năm 2021 UBND thành phố B tiến hành thu hồi toàn bộ diện tích đất trên của ông Lê Văn Tr, cụ thể tại Quyết định thu hồi số 9642/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Đông Tây thành phố Buôn Ma Thuột. Nhà nước đã thu hồi 359,3m² đất ở của ông Lê Văn Tr thuộc thửa đất số 50-1, tờ bản đồ 60 tại xã Hòa Th, thành phố B (số thửa cũ 227, tờ bản đồ cũ số 6, diện tích cũ 370m²), thửa đất này là tài sản chung của ông Tr và bà H'U và việc thu hồi này ông Lê Văn Tr, bà H'U đồng ý và không có ý kiến gì. Tuy nhiên, tại Quyết định số 5741/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố B chỉ giao đất cho ông Lê Văn Tr mà không có tên bà H'U là chưa đầy đủ và chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H'U vì đây là tài sản chung của ông Tr và bà H'U có được trong thời kỳ hôn nhân, nên ông Lê Văn Tr và bà H'U yêu cầu việc giao đất phải có tên cả hai vợ chồng mới đúng theo quy định. Từ những lý do trên, người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ các quyết định giao đất sau:

1. Quyết định số 5741/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố B về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr, địa chỉ thường trú: Xã Hòa T, thành phố B, 01 thửa đất tại Khu tái định cư thôn 1, Xã Hòa Th, thành phố B, để sử dụng vào mục đích đất ở, cụ thể: Thửa đất số 1843 (cũ DO-RL3-44), tờ bản đồ số 17 (tờ cũ: Độc lập), diện tích 144m², thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

2. Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr, địa chỉ thường trú: Xã Hòa Th, thành phố B, 01 thửa đất tại Khu tái định cư thôn 1, Xã Hòa Th, thành phố Buôn Ma Thuột, để sử dụng vào mục đích đất ở, cụ thể: Thửa đất số 1844 (cũ DO-RL3-45), tờ bản đồ số 17 (tờ cũ: Độc lập), diện tích 144m², thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Đề buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định cho đúng, để có tên hai vợ chồng ông Lê Văn Tr và bà H'U trong các Quyết định giao đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Tr và bà H'U về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5741/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố B về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr. Theo đó ông Lê Văn Tr được giao đất tại khu tái định cư thôn 1, xã Hòa Th, thành phố B để sử dụng vào mục đích đất ở, diện tích 144m², cụ thể: Thửa đất số 1843 (cũ DO-RL3-44), tờ bản đồ số 17 (tờ cũ: Độc lập), thời hạn sử dụng đất: Lâu dài, diện tích 144m²; Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố B về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr, theo đó ông Tr được giao đất tại khu tái định cư thuộc thôn 1, xã Hòa Th, thành phố B để sử dụng vào mục đích đất ở, diện tích 144m², cụ thể: Thửa đất số 1844 (cũ DO-RL3-45), tờ bản đồ số 17 (tờ cũ: Độc lập). Đề buộc UBND thành phố B ban hành các Quyết định giao đất mới có cả tên hai vợ chồng.

Về án phí: Ông Lê Văn Tr và bà H'U phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại và các văn bản tố tụng khác cho người bị kiện, nhưng người bị kiện vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và không có văn bản ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay ông Lê Đại Th có đơn xin vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bà Vũ Thị Thanh V vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ Điều 157 Luật tố tụng hành chính năm 2015 Tòa án tiến hành xét vụ án theo quy định.

[1.2]. Xác định đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Tòa án xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 5741/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố B về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr. Đây là quyết định hành chính của UBND cấp huyện, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ông Lê Văn Tr và bà H'U làm đơn khởi kiện vụ án trong thời hạn 01 năm đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp

luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.4]. Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Văn Tr và bà H'U khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5741/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố B, nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo khoản 5 Điều 22 Luật đất đai năm 2013.

[1.5]. Phạm vi giải quyết: Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị kiện, các quyết định và văn bản pháp luật có liên quan trong cùng vụ án, theo khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án: Vợ chồng ông Lê Văn Trường và bà H'Uyên Niê yêu cầu hủy Quyết định số 5741/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố B về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr. Lý do, người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định trên vì các Quyết định giao đất chỉ giao cho một mình ông Lê Văn Trường mà không có tên bà H'U.

[3]. Xét tính hợp pháp Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[3.1]. Về thẩm quyền: Ngày 06/6/2022 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5741/QĐ-UBND về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr, 01 thửa đất tại Khu tái định cư thôn 1, xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột để sử dụng vào mục đích đất ở, cụ thể tại thửa đất số 1843 (cũ DO-RL3-44), tờ bản đồ số 17 (tờ cũ: Độc lập), diện tích 144m² và Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố B về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr 01 thửa đất tại Khu tái định cư thôn 1, xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột để sử dụng vào mục đích đất ở, cụ thể tại thửa đất số 1844 (cũ DO-RL3-45), tờ bản đồ số 17 (tờ cũ: Độc lập), diện tích 144m², đây là Quyết định hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai. Vì vậy, các Quyết định được ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 22, điểm a khoản 2 Điều 59 Luật đất đai năm 2013 và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[3.2]. Về trình tự, thủ tục và nội dung:

Ngày 08/6/2011, ông Lê Văn Tr nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị H diện tích đất 370m², thửa đất số 227, tờ bản đồ số 6, tại xã Hòa Thắng, thành Phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng theo quy định (*Hợp đồng chuyển nhượng chỉ một mình ông Lê Văn Tr ký tên*). Sau đó, ông Tr đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng, được thể hiện tại đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục số 65) và làm tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất (bút lục 54) và tại thời điểm ông Tr làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong sổ hộ khẩu ông Tr không có tên bà H'U. Đến ngày 19/8/2011 UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 642642 cho ông Lê Văn Tr tại thửa đất số 227, tờ bản đồ 06, diện tích 370m² tại xã Hòa Thắng, thành Phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và bà H'U không khiếu nại hay có ý kiến gì về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và ông Tr sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai từ đó đến thời điểm bị

thu hồi.

Ngày 31/12/2021, UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 9642/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Đông Tây, thành phố Buôn Ma Thuột của ông Lê Văn Tr, diện tích thu hồi 359,3m², thửa đất số 52-1, tờ bản đồ 60 tại xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột. Ông Lê Văn Tr và bà H'U đồng ý với nội dung Quyết định thu hồi và không khiếu nại hay khởi kiện đối với Quyết định này. Đến ngày 06/6/2022 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5741/QĐ-UBND về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr, 01 thửa đất tại Khu tái định cư thôn 1, xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột để sử dụng vào mục đích đất ở, cụ thể tại thửa đất số 1843 (cũ DO-RL3-44), tờ bản đồ số 17 (tờ cũ: Độc lập), diện tích 144m² và Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố B về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr 01 thửa đất tại Khu tái định cư thôn 1, xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột để sử dụng vào mục đích đất ở, cụ thể tại thửa đất số 1844 (cũ DO-RL3-45), tờ bản đồ số 17 (tờ cũ: Độc lập), diện tích 144m². Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo thông báo thu hồi đất số 219/TB-UBND ngày 24/3/2016 để thực hiện dự án đường Đông Tây, thành phố Buôn Ma Thuột đã thể hiện: *“Thu hồi đất của ông Lê Văn Tr, diện tích đất dự kiến thu hồi 359,3m², thửa đất số 52-1, tờ bản đồ 60, địa chỉ tại xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột”,* căn cứ vào biên bản xác minh về nguồn gốc đất của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Buôn Ma Thuột thể hiện *“Nguồn gốc đất khi nhà nước thu hồi để thực hiện dự án đường Đông Tây, thành phố Buôn Ma Thuột là đất của ông Lê Văn Tr được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 642642 tại thửa đất số 227, tờ bản đồ 06, diện tích 370m² tại xã Hòa Thắng, thành Phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk”* và biên bản kiểm kê thiệt hại về đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hòa màu, các loại tài sản trên đất khi nhà nước thu hồi ngày 06/5/2016 chỉ có ông Lê Văn Tr ký vào biên bản. Do đó, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5741/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr mà không có tên bà H'U trong quyết định giao đất là đúng trình tự, thủ tục và nội dung được quy định tại khoản 7 Điều 3, Điều 52, Điều 53, Điều 55, Điều 59 Luật đất đai năm 2013; Điều 61 và Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Điều 4 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT, ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Từ những nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định số 5741/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc giao đất cho ông Lê Văn Tr là có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Nên bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Tr và bà H'U.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do

yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên người khởi kiện ông Lê Văn Tr và bà H'U phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ khoản 7 Điều 3, khoản 5 Điều 22, Điều 52, Điều 53, Điều 55 và khoản 2 Điều 59 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 61, Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 4 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT, ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Tr và bà H'U về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí: Ông Lê Văn Tr và bà H'U phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông Phạm Văn D là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã nộp tạm ứng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số AA/2021/0021935, ngày 06/10/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn